

Số: 1615/QĐ-UBND

Ninh Hải, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
trên địa bàn huyện Ninh Hải cuối năm 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Thông báo số 453/TB-VPUB ngày 13/12/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Ninh Thuận về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Văn Bình tại cuộc họp nghe báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 251/TTr-LĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2016 của huyện Ninh Hải, cụ thể như sau:

- Số hộ nghèo: 1.454 hộ, chiếm tỷ lệ 5,58% dân số toàn huyện. Trong đó, số hộ nghèo dân tộc thiểu số: 148 hộ, chiếm tỷ lệ 10,18 % tổng số hộ nghèo và 0,57% dân số toàn huyện.

- Số hộ cận nghèo: 2.061, chiếm tỷ lệ 7,91% so với dân số toàn huyện. Trong đó, số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số: 180 hộ, chiếm tỷ lệ 8,73 % tổng số hộ cận nghèo và 0,69% dân số toàn huyện.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Điều 2. Căn cứ số hộ nghèo, hộ cận nghèo được phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn ra quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý và triển khai thực hiện các chế độ chính sách ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Lao động – Thương binh và xã hội huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *hl*

Nơi nhận: *khul*

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- BCD giảm nghèo giai đoạn 2016-2020;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Hòa



TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CUỐI NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số **1615** /QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND huyện Ninh Hải)

TT	Xã, thị trấn	Hộ hành chính năm 2016			Số hộ nghèo cuối năm 2016 (hộ nghèo 2017)							Số hộ cận nghèo cuối năm 2016 (cận nghèo 2017)				
		Số hộ	Số hộ DTTS	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ %	Số hộ DTTS	Tỷ lệ %	Số hộ	Số khẩu	Tỷ lệ %	Số hộ DTTS	Tỷ lệ %		
		1	2	3	4	5	6=4/1	7	8=7/1	9	10	11	12	13=12/1		
I	Khu vực thành thị															
1	Khánh Hải	3.888		16.183	194	689	4,99			374	1.312	9,62				
II	Khu vực nông thôn															
1	Tri Hải	2.818		10.972	156	385	5,54			207	592	7,35				
2	Phuong Hải	1.708		5.968	114	284	6,67			214	659	12,53				
3	Nhon Hải	3.724		14.919	234	396	6,28			257	600	6,90				
4	Thanh Hải	2.209		9.445	138	318	6,25			140	393	6,34				
5	Vĩnh Hải	1.826	162	7.051	132	385	7,23	70	3,83	76	255	4,16	45	2,46		
6	Xuân Hải	4.180	1.887	17.466	182	635	4,35	78	1,87	326	1.320	7,80	135	3,23		
7	Hộ Hải	3.134		13.069	152	418	4,85			205	679	6,54				
8	Tân Hải	2.565		9.965	152	361	5,93			262	954	10,21				
	Tổng cộng	26.052	2.049	105.038	1.454	3.871	5,58	148	0,57	2.061	6.764	7,91	180	0,69		